

Sự dính líu của Mỹ đối với Việt Nam từ năm 1950 đến năm 1959

• **Nguyễn Vũ Thu Phương**

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM

TÓM TẮT:

Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc đã dẫn tới những chuyển biến căn bản của tình hình quốc tế. Chiến tranh đã làm thay đổi hoàn toàn so sánh lực lượng trên phạm vi thế giới. Điều này đặt ra vấn đề cho các nước thắng trận là phải từ bỏ hệ thống thuộc địa vốn đã lỗi thời và không phù hợp. Tuy nhiên, việc từ bỏ quyền lợi ở các thuộc địa dường như khó có thể thực

hiện đối với các cường quốc tư bản. Pháp đã âm mưu quay trở lại Việt Nam nhằm tái lập chế độ thực dân. Mỹ từ chỗ không quan tâm đối với sự trở lại của Pháp đã ủng hộ Pháp, và cuối cùng là can thiệp sâu và dính líu trực tiếp vào cuộc chiến tranh Việt Nam. Bài viết này khái quát sự dính líu của Mỹ đối với Việt Nam từ năm 1950 đến 1959.

Từ khóa: chính sách đối ngoại Mỹ, chiến tranh Việt Nam, Đông Dương, Ngô Đình Diệm, can thiệp.

1. Quan điểm của Mỹ về Việt Nam trước năm 1950

Trước khi Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc, trong cuộc họp của Hội đồng Chiến tranh Thái Bình Dương diễn ra ngày 21/7/1943, Franklin D.Roosevelt tái khẳng định quyết tâm thiết lập chế độ ủy thác (trusteeship) ở Đông Dương nhằm chuẩn bị cho sự độc lập hoàn toàn vào một thời điểm thích hợp sau chiến tranh¹. Quan điểm này vấp phải sự phản đối kịch liệt từ phía Thủ tướng Anh – Churchill và vị thế của Pháp đã được nâng cao khi được công nhận là một thành viên thường trực của Hội đồng Bảo an Liên Hiệp Quốc, khiến cho Tổng thống Roosevelt phải nhượng bộ. Từ việc phản đối, Roosevelt đã phải thực hiện chính sách “không can thiệp” vào Việt Nam. Điều này càng thể hiện rõ khi Harry S. Truman lên nhậm chức Tổng thống, ông mặc nhiên công nhận chủ quyền của Pháp tại Đông Dương trong cuộc gặp với De Gaulle ngày

24/8/1945: “Đối với Đông Dương, chính phủ Mỹ sẽ không làm gì để ngăn Pháp trở lại nơi đó”². Từ tháng 9/1945 đến năm 1946, sau khi Cách mạng tháng Tám thành công và nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (VNDCCH) được thành lập, ngoài những tiếp xúc trực tiếp với các phái đoàn của Mỹ có mặt ở Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhiều lần gửi thư cho Tổng thống Truman và Ngoại trưởng Mỹ yêu cầu một sự ủng hộ chính trị trong việc giành độc lập của Việt Nam, kêu gọi Mỹ ủng hộ cho nền độc lập non trẻ của nhà nước VNDCCH, đồng thời mong muốn xây dựng quan hệ hữu nghị giữa 2 nước³ nhưng Mỹ đã không đồng ý. Năm được chính sách của Mỹ, Pháp cấu kết với Anh và Trung Hoa Dân Quốc từng bước đưa quân vào Việt Nam.

Với bản báo cáo về tình hình Việt Nam, Trưởng phân bộ Đông Nam Á của Bộ Ngoại giao Mỹ, Abbot

¹ William J. Duiker (1994), *U.S Containment Policy and the Conflict in Indochina*, California: Stanford University Press, tr.237.

² Lê Phụng Hoàng (2008), *Lịch sử Quan hệ Quốc tế ở Đông Nam Á từ sau Chiến tranh Thế giới Thứ hai đến cuối Chiến tranh Lạnh (1945 - 1991)*, Nxb Đại học Sư phạm TPHCM, tr.69.

³ Thông tấn xã Việt Nam (1971), *Tài liệu mật của Bộ Quốc phòng Mỹ về cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam*, tập 1, Hà Nội, tr.22.

Low Moffat, tháng 11/1946 đã đề xuất: “sự hiện diện của Pháp là cần thiết, không chỉ để làm đối trọng với ảnh hưởng của Liên Xô, mà còn để bảo vệ Việt Nam và Đông Nam Á khỏi hoạt động xâm nhập của Đảng Cộng sản Trung Quốc trong tương lai”⁴, đã khiến Mỹ quan tâm đến tình hình Việt Nam và buộc Mỹ chuyển sang chính sách ủng hộ Pháp tái xâm lược Việt Nam.

Từ cuối năm 1947 đến đầu năm 1948, Mỹ bắt đầu can thiệp vào Việt Nam bằng việc thúc đẩy “Giải pháp Bảo Đại”. Quyền lợi Mỹ tại Đông Nam Á sẽ bị ảnh hưởng trước sức ép các phong trào đấu tranh dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản ở các nước trong khu vực như Myanmar, Philippines, Indonesia,... Tháng 9/1948, trong bản tuyên bố của Bộ Ngoại giao ngày 27/9/1948, Washington nêu ra mục tiêu của Mỹ tại Đông Dương kể từ thời điểm đó sẽ tập trung vào việc chống ảnh hưởng của Cộng Sản, khối Xã hội chủ nghĩa (XHCN) và thành lập một quốc gia tự trị thân thiện với Mỹ. Tuyên bố cũng cho rằng Mỹ cần thúc đẩy Pháp trao trả độc lập, tự trị cho nhân dân Việt Nam, đổi lại Mỹ sẽ “ủng hộ người Pháp bằng mọi cách trong việc thiết lập một chính phủ thực sự dân tộc ở Đông Dương. Bằng cách đáp ứng các nguyện vọng của người dân Đông Dương, chính phủ này sẽ là nơi tập hợp những người dân tộc và sẽ làm suy yếu các phần tử cộng sản”⁵.

Bị tác động bởi sức ép từ nguy cơ thất bại của Quốc dân Đảng trong cuộc nội chiến ở Trung Quốc, Mỹ liên tiếp đẩy nhanh “Giải pháp Bảo Đại” bằng tuyên bố ủng hộ Quốc gia Việt Nam thống nhất mới vào ngày 10/5/1949 của Lãnh sự Mỹ tại Sài Gòn. Trong ngày này, Bộ trưởng Ngoại giao Dean Acheson đã điện cho Lãnh sự Mỹ ở Sài Gòn rằng chính phủ Mỹ muốn cuộc “thử nghiệm Bảo Đại” thành công. Trong bức điện này, Bộ Ngoại giao Mỹ cũng cho biết rằng “vào một lúc thích hợp và trong những hoàn cảnh thích hợp, Bộ Ngoại giao sẽ thực hiện việc công nhận chính phủ của Bảo Đại và sẽ

bày tỏ khả năng cung cấp viện trợ kinh tế và vũ khí của Mỹ cho chính phủ đó”⁶.

Có thể thấy, kể từ khi chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, sự quan tâm của người Mỹ ngày càng tăng với tính chất là một khu vực đầy tiềm năng kinh tế, coi Đông Dương là một địa bàn quan trọng về nguồn nguyên liệu cho ngành công nghiệp quân sự của Mỹ. Mỹ đã nhòm ngó đến Đông Dương, song ở Đông Dương, Mỹ là người đến sau. Khi Mỹ quan tâm nhiều đến Đông Dương thì Pháp đã đặt xong ách thống trị ở khu vực này. Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc, Mỹ có điều kiện quan tâm đến Đông Dương nhiều hơn, Mỹ tìm cách thay thế Pháp nhưng vẫn không được. Chiến tranh lạnh bùng nổ giữa Mỹ với Liên Xô, tác động rất lớn đến chính sách của Mỹ đối với khu vực này. Từ cuối năm 1949, Mỹ đã xác định khởi đầu cho “Chiến lược ngăn chặn” tại khu vực Đông Nam Á và Đông Dương trở thành trọng tâm trong chiến lược này của Mỹ. Đồng thời viện vào cơ sở này Mỹ từng bước can thiệp vào cuộc chiến tranh Đông Dương của Pháp nhằm mưu đồ gạt Pháp độc chiếm lấy Đông Dương. Ngày 18/1 và 30/1/1950, Trung Quốc và Liên Xô chính thức công nhận VNDCCH, qua đó chấm dứt hoàn toàn mọi khả năng đàm phán giữa VNDCCH với Mỹ và Pháp. Từ đây, VNDCCH xác định chỉ còn con đường đấu tranh chống sự xâm lược của Pháp và sự can thiệp của Mỹ vào tình hình tại Việt Nam.

2. Sự dính líu của Mỹ đối với Việt Nam từ năm 1950 đến năm 1959

2.1. Ý đồ chiến lược của Mỹ đối với Việt Nam

Năm 1947, trước sự lớn mạnh của phong trào cách mạng thế giới và tầm ảnh hưởng của Liên Xô cùng hệ thống các nước XHCN, Tổng thống Truman đã nhanh chóng tuyên bố “chính sách của Mỹ là phải ủng hộ các dân tộc tự do” chống lại sự xâm lược trực tiếp hoặc gián tiếp của cộng sản... và Bộ trưởng Ngoại giao Mỹ Marshall đã đề nghị cấp viện trợ kinh tế cho các nước Tây Âu nhằm thông qua đó xây dựng một liên minh vững chắc chống lại

⁴ Lê Phụng Hoàng (2008), *Sđd*, tr.70.

⁵ Lê Phụng Hoàng (2008), *Sđd*, tr.73.

⁶ *The Pentagon Papers* (1971), Vol 1, Published by The New York Times. New York: Bantam Books, tr.33

tầm ảnh hưởng của Liên Xô. Chỉ trong vòng 4 năm (1948-1951), kế hoạch Marshall – kế hoạch phục hưng Châu Âu (ERP) đã cung cấp cho Tây Âu 12,5 tỉ đô la⁷. Số tiền này dùng vào việc cung cấp về thực phẩm, nguyên liệu và thiết bị máy móc... Thực chất là nhằm mục đích gắn chặt quyền lợi của các nước Tây Âu, đặc biệt là Đức và Pháp. Thông qua đó, Mĩ âm mưu can thiệp vào các hoạt động của các nước này. Đồng thời cũng trong năm này, Pháp còn được Mĩ giúp đỡ về các trang bị quân sự, quân đội Pháp đã tiến hành đàn áp lại phong trào cách mạng Việt Nam.

Ngày 13 tháng 5 năm 1947, các nhà ngoại giao của Mĩ ở Paris, Sài Gòn và Hà Nội đồng thời nhận được chỉ thị chính thức của Bộ Ngoại giao Mĩ: “Lập trường chủ yếu trong nhận thức của chúng ta là ở Đông Nam Á, chúng ta nhất thiết phải cùng hội với người Pháp, cũng như với người Anh và Hà Lan... các xu hướng Liên Á chống Tây phương có thể trở thành lực lượng chính trị quan trọng nhất, hoặc cộng sản cũng có thể nắm lấy chính quyền... Đặc biệt chúng ta công nhận rằng người Việt Nam trong một thời gian nhất định, vẫn còn cần tới sự giúp đỡ về vật chất và kỹ thuật của Pháp cùng với một sự chỉ dẫn sáng suốt về chính trị mà chỉ một nước có truyền thống dân chủ lâu đời đã được công nhận là biết tôn trọng nhân quyền và giá trị cá nhân con người như nước Pháp mới có thể đáp ứng được”⁸. Với nhận định trên, cho thấy âm mưu của Mĩ khá rõ ràng về vấn đề Việt Nam và Đông Dương. Trước mắt, Mĩ âm mưu lợi dụng Pháp kéo dài cuộc chiến tranh và viện trợ cho Pháp nhằm gắn chặt quyền lợi của Pháp vào Mĩ. Đến thời điểm thuận lợi, Mĩ sẽ tiến hành sự can dự để dần thay thế Pháp độc chiếm bán đảo Đông Dương.

Sang năm 1949, Mĩ cùng 12 nước châu Âu lập tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO) và đến đó đã dần cho thấy chiến lược của Mĩ và các nước đồng minh Tây Âu đối với sự phát triển của

phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc cũng như xu hướng phát triển của CNXH trên thế giới. Mặc dù về mặt hình thức cũng như đối với dư luận, Mĩ vẫn tỏ ra coi cuộc chiến tranh Đông Dương là một vấn đề của Pháp song trước sự phát triển của cuộc đấu tranh nhân dân Đông Dương nói chung và Việt Nam nói riêng, Mĩ đã lợi dụng con bài Bảo Đại, để chống lại công cuộc đấu tranh chống thực Pháp.

Ngày 10 tháng 5 năm 1949, thông qua Bộ Ngoại giao, Mĩ đã chỉ thị cho Lãnh sự Mĩ ở Sài Gòn phải nhanh chóng tác động với Pháp để “cuộc thí nghiệm Bảo Đại phải được xúc tiến ngay sau khi ở đây đã thể hiện rõ không còn có biện pháp thay thế nào khác”. Mĩ còn tỏ ý sẵn sàng muốn đóng góp bằng cách công nhận chính phủ Bảo Đại, cung cấp vũ khí và viện trợ kinh tế vào lúc thích đáng⁹. Pháp chớp lấy cơ hội và kêu gọi Mĩ giúp đỡ trong cuộc chiến tranh ở Đông Dương. Ngay sau đó, đáp ứng yêu cầu của Mĩ, “Chính phủ lâm thời Quốc gia Việt Nam” do Bảo Đại làm Quốc trưởng và Trần Văn Xuân làm Tổng trưởng Quốc phòng kiêm Thủ tướng được dựng lên vào ngày 1 tháng 7 năm 1949. Đồng thời, Pháp cũng thành lập các chính phủ bù nhìn phân cách mạng ở Lào và Campuchia. Ngay lập tức, Tổng thống Truman ưng thuận hành động này của Pháp và công nhận Bảo Đại và các quốc gia liên kết Đông Dương và ngày 4 tháng 2 năm 1950¹⁰.

Cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Việt Nam diễn ra ngày càng mạnh mẽ, Pháp ngày càng mất quyền kiểm soát. Đặc biệt từ sau chiến dịch Việt Bắc Thu Đông năm 1947, Pháp bước vào giai đoạn khó khăn trong việc giành quyền chủ động trên chiến trường chính. Nắm được những diễn biến này ở Việt Nam, ngay lập tức, Hội đồng An ninh Quốc gia (HĐANQG) Mĩ quyết định là “phải thi hành mọi biện pháp có thể được để ngăn chặn sự phát triển sau này của cộng sản ở Đông Nam Á... Thái Lan và Myanmar có thể bị rơi vào ách thống trị của cộng sản nếu như Đông Dương bị

⁷ Archimedes L.A. Patti (2000), *Why Vietnam – Tại sao Việt Nam?* Nxb Đà Nẵng, tr.728.

⁸ Archimedes L.A. Patti (2000), Sđd, tr.722-723.

⁹ Archimedes L.A. Patti (2000), Sđd, tr.735.

¹⁰ Archimedes L.A. Patti (2000), Sđd, tr.739.

một chính phủ do cộng sản không chế cai trị. Lúc đó sự cân bằng lực lượng ở Đông Nam Á sẽ ở trong một tình thế cực kỳ nguy hiểm”¹¹. Và để ủng hộ Pháp cũng là một trong những biện pháp gắn chặt quyền lợi của Pháp ở Đông Dương cũng như ở Việt Nam vào Mĩ, ngày 1 tháng 5 năm 1950, Tổng thống Mĩ đã nhanh chóng duyệt cấp một khoản tiền 10 triệu đôla dụng cụ chiến tranh cho Pháp, đánh dấu quyết định quan trọng việc Mĩ tham gia về quân sự và quyết tâm dính líu đến chiến tranh ở thuộc địa của Pháp ở Đông Dương nói chung và Việt Nam nói riêng.

Như vậy, từ năm 1945 đến 1950, Mĩ thực hiện chính sách ủng hộ Pháp tái chiếm Đông Dương và công nhận các chính quyền quốc gia, mục đích của Mĩ là lôi kéo Pháp vào liên minh chống cộng, thiết lập chính phủ bù nhìn, để dập tắt ngọn lửa cách mạng ở Đông Dương dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Bằng hàng loạt các hành động và chính sách đối ngoại, đến đây, ý đồ của Mĩ đã trở nên rõ ràng hơn đối với vấn đề Đông Dương và Việt Nam. Đồng thời, Mĩ khẳng định sự giúp đỡ của mình đối với Pháp nhằm chống phong trào đấu tranh giành độc lập của nhân dân Việt Nam dưới chiêu bài “chống cộng sản”. Điều này cũng thể hiện nỗi ám ảnh của chính giới Mĩ về hiệu ứng “Domino” lo sợ “cộng sản” sẽ thống trị thế giới.

2.2. Giai đoạn từ năm 1950 đến tháng 7/1954

Đứng trước sự phát triển mạnh mẽ của cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam và sự thắng lợi của cách mạng Trung Quốc, Mĩ càng trở nên “tích cực” trong việc can thiệp vào cuộc chiến tranh ở Đông Dương, vì vậy, lợi dụng Pháp đang gặp khó khăn, Mĩ đã can thiệp sâu và dính líu trực tiếp vào cuộc chiến tranh Đông Dương. Âm mưu này của Mĩ được thể hiện trong báo cáo bí mật của HĐANQG vào tháng 6 năm 1952: “Sự lớn mạnh của Cộng sản trên toàn cõi Đông Nam Á sẽ làm cho vị thế của Mĩ tại các căn cứ quân sự dọc theo bờ biển Trung Quốc, Philippines, Đài Loan, Nhật Bản, Triều Tiên

và ngoài khơi Thái Bình Dương trở nên không ổn định và đe dọa nghiêm trọng đến lợi ích an ninh của Mĩ tại vùng Viễn Đông”¹². Đông Dương đã được chính phủ Truman sắp xếp vào loại một trong những vấn đề cấp bách mà chính phủ Eisenhower tân cử phải giải quyết.

Tại cuộc họp của HĐANQG diễn ra ngày 24/3/1953, Dulles lưu ý rằng Đông Dương còn quan trọng hơn cả Triều Tiên vì kết quả của cuộc chiến ở vùng đất này sẽ tác động đến cả khu vực Đông Nam Á¹³. Ngày 29/4, HĐANQG đã thông qua Nghị quyết mang số NSC-149/2 đề cập đến khả năng Mĩ sẽ can thiệp trực tiếp vào Đông Dương, trong trường hợp xảy ra một cuộc tiến công của Trung Quốc ở đây, hoặc tình hình trải qua những thay đổi sâu sắc. Chủ trương của HĐANQG là vừa đe dọa để mở rộng chiến tranh vừa tăng cường nắm và củng cố quân đội và chính quyền Sài Gòn chuẩn bị điều kiện để Mĩ sớm thay Pháp ở Đông Dương. Mĩ muốn kéo dài cuộc chiến tranh để Pháp và Việt Nam cùng suy yếu, thuận lợi cho việc Mĩ vào Đông Dương¹⁴. Trong phiên họp ngày 6 tháng 4 năm 1954, HĐANQG Mĩ đã đưa ra khả năng “nếu cần sẽ can thiệp để tránh việc mất Đông Dương, và chủ trương không từ một biện pháp nào để làm cho người Pháp kết thúc thắng lợi cuộc chiến tranh của chính họ” và cũng ủng hộ, coi như là phương thức tốt nhất thay thế cho việc Mĩ can thiệp, một tổ chức địa phương trong đó người châu Á sẽ tham gia ở mức tối đa”¹⁵.

Khi những cố gắng của Pháp ở Điện Biên Phủ đã bắt đầu bước vào ngõ cụt và hi vọng vào Mĩ thì chính quyền Eisenhower đã từ bỏ sự can thiệp đơn phương vì không có sự đồng ý của Quốc hội Mĩ. Chỉ vài ngày sau, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của quân dân Việt Nam ở Điện Biên Phủ thắng lợi hoàn toàn. Việc Mĩ ngày càng tham dự

¹¹ Archimedes L.A. Patti (2000), *Sdd*, tr.739-740].

¹² Howard Zinn (2010), *Lịch sử dân tộc Mĩ*, Nxb Thế giới, Hà Nội, tr.573.

¹³ Lê Phụng Hoàng (2008), *Sdd*, tr.58].

¹⁴ Nguyễn Phúc Luân (2004), *Ngoại giao Việt Nam từ Việt Bắc đến Hiệp định Giơnevơ*, Nxb Công an Nhân dân, Hà Nội, tr.220.

¹⁵ Archimedes L.A. Patti (2000), *Sdd*, tr.832.

vào chiến trường Đông Dương và cùng với Pháp nhằm chống lại phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc của ba nước Đông Dương không chỉ là xuất phát từ nỗi sợ hãi “cộng sản” lan tràn từ Liên Xô và Trung Quốc xuống khu vực Đông Nam Á hoặc sang tận vùng Địa Trung Hải thuộc phía Nam châu Âu mà còn xuất phát từ bản chất của chủ nghĩa đế quốc: thị trường tiêu thụ, riêng với Mỹ còn là khẳng định vị trí độc tôn của mình trong hệ thống các nước tư bản chủ nghĩa và âm mưu bá chủ thế giới.

Như vậy, ngay từ sau chiến thắng Biên giới Thu Đông năm 1950, đặc biệt là sau sự kiện cách mạng Trung Quốc thành công, lập ra nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa và những diễn biến mới của phong trào đấu tranh cách mạng trên bán đảo Triều Tiên đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến việc hoạch định chiến lược của Mỹ đối với châu Á nói chung và khu vực Đông Nam Á nói riêng trong đó có Việt Nam. Đặc biệt là những năm 1953-1954, do Trung Quốc và Liên Xô giúp đỡ cách mạng Đông Dương chống Pháp, Mỹ đã công khai can thiệp vào cuộc chiến tranh này. Chính vì vậy, làm cho cuộc chiến tranh ở Đông Dương diễn ra hết sức quyết liệt, đỉnh cao là trận quyết chiến ở Điện Biên Phủ giữa Pháp với nhân dân Đông Dương. Mặc dù, Mỹ đã hậu thuẫn mạnh mẽ cho Pháp, nhưng cuối cùng phải chịu thất bại. Trong tình thế buộc phải ngồi vào bàn đàm phán, Mỹ ra sức phá hoại Hội nghị Geneva, thực hiện chính sách gạt Pháp độc chiếm lấy Đông Dương.

2.3. Giai đoạn từ tháng 7/1954 đến năm 1959

Sự thất bại của Pháp tại Điện Biên Phủ nói riêng và Đông Dương nói chung đã tạo một sự quan ngại lớn cho chiến lược toàn cầu của Mỹ. Ngày 9/3/1954, Dulles tuyên bố Đông Dương có những căn cứ hải quân và không quân vào bậc nhất. Rõ ràng, giới cầm quyền Mỹ đã nhận thấy Việt Nam là một “tiền đồn” quan trọng bậc nhất trong chiến lược toàn cầu của Mỹ tại Đông Nam Á. Vì vậy, Mỹ đã từng bước giúp Ngô Đình Diệm thành lập một chính phủ thân Mỹ ở miền Nam Việt Nam để thực hiện các mục tiêu chiến lược của Mỹ. Ngày 7/7/1954, Mỹ đã đưa

Ngô Đình Diệm (người được Mỹ nuôi dưỡng từ lâu) về nước làm Thủ tướng thay thế Bửu Lộc. Đây là động thái quan trọng mở đầu cho quá trình can dự trực tiếp vào Việt Nam.

Ngày 20/8/1954, Tổng thống Mỹ Eisenhower đã tán thành Nghị quyết mang số NSC 5429/2 của HĐANQG “Duyệt xét lại chính sách Mỹ ở Viễn Đông” gồm ba nội dung sau: “Về quân sự, Mỹ sẽ làm việc với Pháp chỉ ở mức độ cần thiết nhằm xây dựng một lực lượng bản xứ đủ sức đảm bảo an ninh trong nước; Về kinh tế, Mỹ sẽ khởi sự viện trợ trực tiếp cho người Việt Nam, không còn thông qua người Pháp như trước đây. Người Pháp sẽ được tách ra khỏi các chức vụ chỉ huy; Về chính trị, Mỹ sẽ làm việc với thủ tướng Diệm, nhưng sẽ khuyến khích ông ta mở rộng chính phủ của mình và thiết lập những định chế dân chủ hơn”¹⁶.

Như vậy, với Nghị quyết NSC 5429/2, Mỹ đã công khai can thiệp trực tiếp vào Việt Nam. Mỹ từng bước tách dần vai trò người Pháp khỏi vấn đề Việt Nam. Đồng thời, Mỹ cũng thừa nhận và bắt đầu giúp đỡ Ngô Đình Diệm để xây dựng một chính phủ “dân chủ” ở miền Nam Việt Nam để có thể cùng Mỹ thực hiện mục tiêu chiến lược của họ. Để hợp pháp hóa cho sự hiện diện của Mỹ ở miền Nam Việt Nam, Ngô Đình Diệm yêu cầu Mỹ giúp đỡ trực tiếp không thông qua Pháp. Bằng thủ đoạn này, Mỹ “nhảy vào” miền Nam Việt Nam mà vẫn bảo đảm yếu tố hợp pháp, với danh nghĩa vào giúp đỡ đồng minh, hòng che đậy âm mưu xâm lược miền Nam Việt Nam.

Từ đó, chính phủ Mỹ quyết định viện trợ trực tiếp cho Ngô Đình Diệm, nhằm củng cố một chính quyền tay sai, lệ thuộc Mỹ ở miền Nam Việt Nam. Mỹ trực tiếp viện trợ cho chính quyền Sài Gòn, trực tiếp chỉ huy và huấn luyện quân đội của chính quyền Sài Gòn; Pháp phải rút hết quân khỏi miền Nam và loại bỏ Bảo Đại và những ảnh hưởng của Pháp. Ngày 23/10/1954, đại sứ Mỹ Donald R. Heath đã chuyển đến Diệm bức thư đề ngày 1/10/1954 của Eisenhower viết: “Chúng tôi đang xem xét các

¹⁶ The Pentagon Papers (1971), Sđd, tr.15.

phương sách và phương tiện nhằm làm cho sự trợ giúp của chúng tôi trở nên có hiệu quả hơn và đóng góp lớn hơn vào sự phồn vinh và ổn định của Chính phủ Việt Nam”. Bức thư xác định rõ mục đích của sự trợ giúp này là “hỗ trợ chính phủ Việt Nam phát triển và duy trì một quốc gia vững mạnh, có khả năng chống lại mưu toan lật đổ hay xâm lược bằng quân sự”. Đồng thời nêu rõ: "Chính phủ Mỹ mong đợi sự trợ giúp này sẽ được phía Chính phủ Việt Nam đáp ứng bằng một nỗ lực thực hiện cải cách cần thiết"¹⁷.

Bức thư trên đã mở đường cho những hành động có ý nghĩa quyết định hơn của các quan chức Mỹ có mặt ở Sài Gòn. Giữa tháng 11, tướng J. Lawton Collins, vừa được cử làm đại diện đặc biệt của Tổng thống Mỹ ở Nam Việt Nam với hàm đại sứ, đã thông báo rằng Mỹ sẽ “cung cấp mọi sự giúp đỡ có thể được cho chính phủ Diệm và chỉ cho chính phủ của ông”. Mỹ sẽ không xem xét “việc huấn luyện hay sự giúp đỡ nào khác cho một quân đội Việt Nam không tỏ ra tuân lệnh hoàn toàn và tuyệt đối vị thủ tướng của mình”¹⁸. Cũng nhờ sự giúp đỡ về nhiều mặt của Mỹ mà vào cuối tháng 4 đầu tháng 5/1955, Ngô Đình Diệm đã lần lượt thu phục các giáo phái Hòa Hảo, Cao Đài và đập tan Bình Xuyên, sau một thời gian chống chọi với sức ép cả chính trị lẫn quân sự của các lực lượng này.

Trong lúc Ngô Đình Diệm đang ra sức xây dựng Nam Việt Nam thành một quốc gia riêng biệt, Mỹ cũng đồng thời thúc đẩy các hoạt động thu hẹp vị thế của người Pháp ở miền Nam Việt Nam. Ngay sau khi đến Sài Gòn, Collins đã làm việc với Ely để lập thời biểu cho việc rút quân Pháp khỏi Nam Việt Nam và lên một chương trình huấn luyện cho một quân đội mới của chính phủ Sài Gòn. Collins báo rằng Phái bộ Mỹ “sẽ sớm đảm trách việc huấn luyện Quân đội Việt Nam phù hợp với những phương pháp đặc biệt của Mỹ đã tỏ ra có hiệu quả ở Triều Tiên, Hi Lạp và Thổ Nhĩ Kỳ... ”¹⁹. Ngày 13/12/1954,

Cao ủy Ely đã kí với Collins một thỏa thuận mật chuyển giao cho trưởng phái bộ quân sự Mỹ ở Việt Nam (MAAG) trách nhiệm hỗ trợ chính phủ Sài Gòn tổ chức và huấn luyện quân đội Quốc gia Việt Nam với sự tham gia của nhân viên quân sự Mỹ²⁰. Ảnh hưởng chính trị và ngoại giao của Pháp ở Việt Nam xem như chấm dứt.

Như vậy, chính sách của Mỹ đối với Việt Nam trong những năm đầu sau Hiệp định Geneva không chỉ là giúp đỡ Ngô Đình Diệm xây dựng miền Nam Việt Nam thành một quốc gia riêng biệt và ủng hộ Ngô Đình Diệm khước từ thi hành Điều 7 trong Tuyên bố cuối cùng của Hội nghị Geneva, mà còn chuẩn bị sẵn những biện pháp cụ thể nhằm đối phó với điều được chính phủ Eisenhower xem là “mối đe dọa có thể phát sinh từ miền Bắc”. Theo đánh giá chung của Nhà Trắng, mối đe dọa vừa nêu có thể được thể hiện dưới hình thức của một cuộc chiến lật đổ. Tháng 9/1955, sau khi Ngô Đình Diệm từ chối mở hội nghị hiệp thương về vấn đề bầu cử, Mỹ cho rằng cần triển khai thêm lực lượng cơ động ở Đông Nam Á và tăng cường lực lượng quân sự của Việt Nam Cộng hòa (VNCH), cũng như của Thái Lan và Campuchia²¹.

Về việc thi hành Điều 7 trong Tuyên bố cuối cùng của Hội nghị Geneva (1955-1956), chính phủ Ngô Đình Diệm đã nhận được sự hậu thuẫn của Washington. Ngay ngày 7/7/1954, giữa lúc Hội nghị Geneva còn đang diễn ra, Bộ trưởng Ngoại giao Mỹ J. Foster Dulles đã gửi cho thứ trưởng Walter Bedell Smith, người thay ông cầm đầu phái đoàn Mỹ ở Hội nghị, một công điện mật nêu rõ: “Do chắc chắn rằng tuyên cử hãn sẽ có nghĩa là Việt Nam thống nhất dưới quyền của Hồ Chí Minh, chúng ta càng phải cố làm sao cho tuyên cử sẽ chỉ diễn ra sau thỏa thuận ngừng bắn càng lâu càng tốt và trong những điều kiện không có cảnh đe dọa để

¹⁷ Lê Phụng Hoàng (2008), Sdd, tr132.

¹⁸ Lê Phụng Hoàng (2008), Sdd, tr132.

¹⁹ Lê Phụng Hoàng (2008), Sdd, tr132.

²⁰ Lê Phụng Hoàng (2008), Sdd, tr.134.

Peter A. Poole (1986), *Nước Mỹ và Đông Dương từ Ph. Ru-dô-ven đến R. Ních-xon (The United States and Indochina from FDR to Nixon, 1973)*, Nxb Thông tin lý luận, Hà Nội, tr.63.

²¹ William J. Duiker (1994), *Sdd.*, tr.222-223.

những phần tử dân chủ có được cơ may lớn nhất”²². Tại cuộc họp diễn ra ngày 30/8/1955, Dulles lưu ý rằng Mĩ không phản đối bầu cử tự do, nhưng đồng ý với chính phủ Sài Gòn rằng lúc này điều kiện cho bầu cử chưa chín muồi²³. Như vậy, lí do chính mà cả Washington lẫn Sài Gòn đưa ra để khước từ việc thực hiện Điều 7 không hẳn là do cả hai đã không kí vào Hiệp định Geneva, mà chủ yếu là do cả hai không yên tâm trước kết quả của cuộc bầu cử. Về phần mình, ngày 1/6, Mĩ đã thông qua đại diện là phụ tá ngoại trưởng Walter S. Robertson, khẳng định rằng “chúng tôi hoàn toàn ủng hộ lập trường của Diệm, khi ông cho rằng nếu bầu cử được tổ chức, thì điều kiện đầu tiên phải là loại trừ sự đe dọa hay cưỡng bách cử tri”²⁴. Cho đến cuối năm 1958, chính phủ VNDCCH đã tiếp tục bằng các phương tiện ngoại giao, cuộc đấu tranh đòi chính phủ VNCH thực thi Điều 7, nhưng đều vấp phải thái độ cự tuyệt của Sài Gòn.

Nguyên nhân chính khiến Eisenhower bỏ dở nỗ lực gây sức ép buộc Ngô Đình Diệm tiến hành cải cách chính trị là tình hình Lào. Cuộc khủng hoảng chính trị-quân sự ở Lào bùng phát từ tháng 4/1959 đã dần thu hút sự chú ý mà Nhà Trắng dành cho vùng Đông Nam Á. Tình hình ở Nam Việt Nam rơi xuống hàng thứ yếu trong con mắt của Eisenhower và Bộ trưởng Ngoại giao Christian Herter kế nhiệm Foster Dulles từ chức ngày 18/4/1959 vì lí do sức khỏe.

Tuy nhiên, tất cả những động thái trên cho thấy

Mĩ quyết tâm ngăn chặn ảnh hưởng của chủ nghĩa cộng sản xâm nhập vào miền Nam Việt Nam bằng mọi cách, kể cả bằng các phương tiện quân sự.

Kết luận

Xác định chính quyền Ngô Đình Diệm là chính quyền tay sai, là công cụ xâm lược của Mĩ, tháng 1/1959, Trung Ương Đảng Lao động Việt Nam đã ra nghị quyết đánh đổ chế độ đế quốc và nửa phong kiến ở miền Nam để thực hiện thống nhất nước nhà. Kể từ đó, chế độ Ngô Đình Diệm đã phải đối mặt với một làn sóng đấu tranh lan rộng ở nông thôn, đồng bằng và vùng cao với sự tham gia và chỉ đạo của các cán bộ đảng viên đảng Lao động Việt Nam còn ở lại miền Nam sau ngày 21/7/1954. Chính sách cai trị của Ngô Đình Diệm còn làm bùng nổ những hoạt động chống đối của không chỉ những người lao động thành thị, mà của cả những phần tử đối lập với chế độ Sài Gòn. Cuộc đảo chính ngày 11/11/1960 và sự ra đời của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ngày 20/12/1960 là những biểu hiện kết tinh của hai làn sóng đấu tranh vừa nêu. Sự giúp đỡ ngày càng lớn cả về người lẫn vật chất mà Mĩ dành cho chế độ Ngô Đình Diệm, lẫn sức ép ngày càng tăng về chính trị mà Mĩ tìm cách tác động lên chế độ này vẫn không thể giải vây chính thể Đế Nhất Cộng hòa khỏi cuộc khủng hoảng chính trị-quân sự ngày càng nghiêm trọng. Cuộc đảo chính ngày 1/11/1963 đã làm suy yếu thêm chế độ VNCH trước sự lớn mạnh không ngừng của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.

²² The Pentagon Papers (1971), Sdd, tr.22.

²³ William J. Duiker (1994), Sdd, tr.215.

²⁴ Lê Phụng Hoàng (2008), Sdd, tr.135.

United States involvement in Vietnam from 1950 to 1959

• **Nguyen Vu Thu Phuong**

University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM

ABSTRACT:

The end of World War II led to fundamental changes in the international situation, posing problems for the victor nations which had to abandon the colonial system outdated and inconsistent with objectives. However, giving up interests in the colonies seemed hardly possible for the capitalist powers. France

plotted to return to Vietnam to restore colonial rule. The USA went from having no interest in the return of France to backing France, and finally exerting deep intervention and direct involvement in the Vietnam War. This paper gives an outline of the United States involvement in Vietnam from 1950 to 1959.

Keywords: American foreign policy, the war in Vietnam, Indochina, Ngo Dinh Diem, intervention

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Archimedes L.A. Patti (2000), *Why Vietnam – Tại sao Việt Nam?* Nxb Đà Nẵng.
- [2]. Lê Phụng Hoàng (2008), *Lịch sử Quan hệ Quốc tế ở Đông Nam Á từ sau Chiến tranh Thế giới Thứ hai đến cuối Chiến tranh Lạnh (1945-1991)*, Nxb Đại học Sư phạm TPHCM.
- [3]. Howard Zinn (2010), *Lịch sử dân tộc Mỹ*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
- [4]. Nguyễn Phúc Luân (2004), *Ngoại giao Việt Nam từ Việt Bắc đến Hiệp định Gionevo*, Nxb Công an Nhân dân, Hà Nội.
- [5]. Peter A. Poole (1986), *Nước Mỹ và Đông Dương từ Ph. Ru-dơ-ven đến R. Ních-xơn* (The United States and Indochina from FDR to Nixon, 1973), Nxb Thông tin lý luận, Hà Nội.
- [6]. Thông tấn xã Việt Nam (1971), *Tài liệu mật của Bộ Quốc phòng Mỹ về cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam*, tập 1, Hà Nội.
- [7]. *The Pentagon Papers* (1971), Vol 1, Published by The New York Times. New York: Bantam Books.
- [8]. William J. Duiker (1994), *U.S Containment Policy and the Conflict in Indochina*, California: Stanford University Press.